

Số: 52 /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định một số nội dung về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 154/TTr-SNN-TL ngày 08 tháng 10 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và trách nhiệm của các cơ quan; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung này.

## 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **Điều 2. Các hoạt động liên quan đến đê điều phải được cấp phép**

1. Các hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm của Quốc hội.

2. Các hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 2 (trừ trường hợp cấp phép cho hoạt động bên thủy nội địa) và khoản 3 Điều 26 Luật Đê điều.

### **Điều 3. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi Quyết định cấp phép**

Ủy ban nhân dân tỉnh: Cấp, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi Quyết định cấp phép liên quan đến hoạt động đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **Điều 4. Điều kiện cấp phép**

1. Tuân thủ quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng (nếu có) và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp I, cấp II, cấp III và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ khả năng thoát lũ trên toàn tuyến sông và an toàn cho các công trình lân cận, hạ tầng kỹ thuật và hành lang bảo vệ các công trình đó.

### **Điều 5. Trình tự, thủ tục cấp phép**

#### 1. Hồ sơ đề nghị cấp phép

a) Hồ sơ đề nghị cấp phép đối với các hoạt động sau: cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều; khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều; xây dựng cống qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông; xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1 Km (kilômét) tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều; nạo vét lòng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều; xây dựng công trình quốc phòng, an ninh, công trình giao thông (trừ trường hợp cấp phép cho hoạt động bên thủy nội địa), thủy lợi, công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống giếng khai thác nước ngầm, trạm bơm, âu thuyền; xây dựng công trình theo dự án đầu tư

do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Luật Đề điều gồm:

Đơn đề nghị cấp phép theo mẫu 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật (nếu có).

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hoạt động mà nhà nước quy định phải lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các văn bản pháp lý liên quan.

Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn của công trình đề điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (Nếu hoạt động có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông, ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu, ảnh hưởng đến ổn định công trình đề điều thì phải có các tài liệu sau: khảo sát, tính toán mức độ ảnh hưởng; kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).

Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định phê duyệt dự án của Thủ tướng Chính phủ đối với hoạt động quy định tại khoản này.

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép đối với các hoạt động sau: khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông; đê vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông gồm:

Đơn đề nghị cấp phép theo mẫu 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quyết định khác của pháp luật (nếu có).

Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến chế độ dòng chảy và thoát lũ trên sông, công trình đề điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng.

Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định cho thuê đất đê vật liệu của cấp có thẩm quyền đối với hoạt động quy định tại khoản này.

c) Hồ sơ đề nghị cấp phép đối với hoạt động sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng thành phần hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp phép theo mẫu 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; thuyết minh phương án của hoạt động đề nghị cấp phép.

Bản sao chứng thực (hoặc bản photo có bản gốc đối chiếu) sổ đăng kiểm tàu, thuyền; giấy tờ chứng minh trọng lượng bản thân của tàu, thuyền, bè, mảng.

## 2. Trình tự cấp phép

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này hoặc hướng dẫn đề cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

d) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép khi đủ điều kiện theo quy định;

Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép;

Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

đ) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được

văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp phép hoặc không cấp phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

e) Quyết định cấp phép theo mẫu 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 6. Điều chỉnh nội dung cấp phép**

Trong quá trình xây dựng, hoạt động, trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân cần điều chỉnh hoặc bổ sung hoạt động khác so với các nội dung trong Quyết định cấp phép; cơ quan, tổ chức, cá nhân phải đề nghị và được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép điều chỉnh trước khi thực hiện.

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép theo mẫu 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật bổ sung (trường hợp đề nghị điều chỉnh) và phương án bảo đảm an toàn cho công trình đã được phê duyệt.

c) Quyết định cấp phép đã được cấp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có công chứng hoặc bản phô tô có bản gốc để đối chiếu).

d) Đối với những hoạt động được điều chỉnh nội dung cấp phép có ảnh hưởng đến môi trường thì phải có đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; nếu ảnh hưởng đến thoát lũ, dòng chảy phải đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến chế độ dòng chảy và thoát lũ trên sông, công trình đê điều; có các biện pháp khắc phục ảnh hưởng.

2. Trình tự điều chỉnh nội dung cấp phép

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép nộp 04 (bốn) bộ hồ sơ (01 bản chính, 03 bản phô tô) trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang (qua Bộ phận một cửa tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang).

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này hoặc hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân xin điều chỉnh nội dung cấp phép hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

c) Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiến hành xác minh nội dung tài liệu đã đủ điều kiện hay chưa. Trường hợp chưa đủ điều kiện cơ quan thẩm định thông báo bằng văn yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

d) Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực tế, xin ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có); đối chiếu với các quy định hiện hành, tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung cấp phép khi đủ điều kiện theo quy định;

Trường hợp xin ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời gian 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan; cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ căn cứ các quy định hiện hành để trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung cấp phép;

Đối với những hoạt động phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hồ sơ đề nghị chấp thuận theo quy định.

đ) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh nội dung cấp phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện để điều chỉnh nội dung cấp phép hoặc không điều chỉnh nội dung cấp phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

3. Quyết định điều chỉnh nội dung cấp phép theo mẫu 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 7. Đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép**

1. Quyết định cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều bị đình chỉ hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng các quy định trong Quyết định cấp phép;

b) Các hoạt động gây hư hỏng hoặc ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình đề điều;

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nếu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra các hoạt động trong Quyết định cấp phép được cấp sau khi có kết quả kiểm tra bằng văn bản về các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thông báo đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đến cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm, đồng thời tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép.

3. Căn cứ từng trường hợp cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng thời gian đình chỉ hiệu lực Quyết định cấp phép. Trong thời gian Quyết định cấp phép bị đình chỉ hiệu lực, cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp phép không có các quyền liên

quan đến Quyết định cấp phép và phải có biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép theo mẫu 4 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 8. Thu hồi Quyết định cấp phép**

1. Việc thu hồi Quyết định cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều được áp dụng trong những trường hợp sau:

a) Quyết định cấp phép đã bị đình chỉ hiệu lực sử dụng 01 (một) lần đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định này;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tự ý chuyển nhượng Quyết định cấp phép;

c) Cơ quan, tổ chức được cấp phép bị giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản; cá nhân được cấp phép bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích;

d) Quyết định cấp phép cấp không đúng thẩm quyền;

đ) Khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi Quyết định cấp phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

2. Cơ quan, tổ chức, các nhân khi vi phạm quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra các hoạt động trong Quyết định cấp phép, sau khi có kết quả kiểm tra về các trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, có trách nhiệm thông báo thu hồi Quyết định cấp phép đến cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm đồng thời tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thu hồi giấy phép. Đối với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, sau khi có quyết định phê duyệt dự án, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo thu hồi cấp phép đến cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép, đồng thời tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thu hồi Quyết định cấp phép.

3. Quyết định thu hồi Quyết định cấp phép theo mẫu 5 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này

### **Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung theo Quyết định này; chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có đê, các ngành có liên quan kiểm tra kết quả thực hiện nội dung của cấp phép.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có đê, chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép đối với các hoạt động liên quan

đến đề điều.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi được cấp, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi phải thực hiện đúng nội dung đã được quy định trong Quyết định cấp phép, điều chỉnh, đình chỉ và thu hồi.

### **Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2021.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có đề; đề xuất những nội dung cần sửa đổi bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như khoản 2 Điều 10;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư Pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT và truyền hình tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, KTN, TTTT;
- + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**



**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày /10/2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Mẫu 1: Đơn đề nghị cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều
Mẫu 2: Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều
Mẫu 3: Quyết định về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung cấp phép) đối với hoạt động liên quan đến đề điều
Mẫu 4: Quyết định về việc đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều
Mẫu 5: Quyết định về việc thu hồi cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều

**Tên tổ chức, cá nhân**  
(viết chữ in hoa)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp phép đối với hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đề nghị được cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều (tên công trình đề điều) do (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình đề điều) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời gian đề nghị cấp phép.....: Từ ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều) xem xét và cho phép (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp phép**  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

*Tên tổ chức, cá nhân*  
(viết chữ in hoa)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Điều chỉnh nội dung cấp phép**  
**đối với các hoạt động liên quan đến đề điều**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung cấp phép được cấp...

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:..... Số Fax: .....

Đang tiến hành các hoạt động .....liên quan đến đề điều tại vị trí... theo Quyết định cấp phép số... ngày... tháng... năm... của (tên cơ quan cấp phép)....; thời hạn sử dụng Quyết định cấp phép từ . .....đến .....

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh nội dung cấp phép đã cấp đối với các hoạt động liên quan đến đề điều) xem xét và cho phép (tên cơ quan, tổ chức, cá nhân xin điều chỉnh nội dung cấp phép) được tiếp tục hoạt các động liên quan đến đề điều với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động xin điều chỉnh nội dung: .....
- Vị trí của các hoạt động: .....
- Lý do đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép đã được cấp: .....
- Thời gian đề nghị điều chỉnh:.....; từ ngày..... tháng..... năm....., đến ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh nội dung cấp phép đã được cấp đối với các hoạt động liên quan đến đề điều) xem xét, quyết định.

Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được cấp phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép.

**Cơ quan, tổ chức, cá nhân xin**  
**điều chỉnh nội dung giấy phép**  
(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp phép (điều chỉnh nội dung cấp phép) đối với  
hoạt động liên quan đến đề điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đề và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đề;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (cơ quan, tổ chức/cá nhân) được tiến hành các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc hệ thống đề điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên cá nhân, tổ chức được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) :.....
2. Địa chỉ:.....

### **Hoạt động được cấp phép**

1. Tên dự án, công trình:.....
2. Tên hoạt động:.....
3. Vị trí, phạm vi hoạt động:.....
4. Thời gian hoạt động:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) được cấp phép (điều chỉnh nội dung giấy phép) có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đề điều.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như điều.....;
- .....
- Lưu VT, .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đối với  
hoạt động liên quan đến đê điều**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép của (cơ quan, tổ chức, cá nhân) sau:

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân bị đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đã được cấp:....

2. Địa chỉ:.....

3. Số Quyết định cấp phép đã được cấp, nội dung hoạt động của Quyết định cấp phép đã được cấp.....

4. Lý do bị đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép đã được cấp:.....

5. Thời gian đình chỉ:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) bị đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép, không được thực hiện các hoạt động quy định trong Quyết định cấp phép đã được cấp đến khi hết thời gian đình chỉ hiệu lực của Quyết định cấp phép.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận:*

- Như điều.....;
- .....
- Lưu VT, .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi Quyết định cấp phép đối với  
hoạt động liên quan đến đê điều**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định về hướng dẫn phân cấp đê và Quyết định về tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số /TTr-SNN-TL ngày tháng năm 20...*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Quyết định cấp phép của (cơ quan, tổ chức, cá nhân) sau:

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thu hồi Quyết định cấp phép đã được cấp:...

.....

2. Địa chỉ:.....



3. Số quyết định cấp phép đã được cấp, nội dung hoạt động của Quyết định cấp phép đã được cấp.....

4. Lý do thu hồi Quyết định cấp phép đã được cấp:.....

**Điều 2.** (Cơ quan, tổ chức, cá nhân) bị thu hồi Quyết định cấp phép không được thực hiện các hoạt động quy định trong Quyết định cấp phép.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận:*

- Như điều.....;
- .....
- Lưu VT, .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**